

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

-----&&&-----

**PHẠM THỊ LIÊN**

**HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG MẠNG INTERNET CỦA  
HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NÔNG THÔN**

*(Nghiên cứu trường hợp Trường THPT Mỹ Đức B,  
Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội)*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ XÃ HỘI HỌC**

**Chuyên ngành: Xã hội học**

**Mã số: 60 31 03 01**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS.Nguyễn Thị Thu Hà**

**Hà Nội – 2016**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	6
<b>1. Lý do chọn đề tài</b>	6
<b>2. Tổng quan</b>	7
<b>3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài</b>	16
<b>4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu</b>	16
<b>5. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu</b>	17
<b>6. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu</b>	17
<b>7. Phương pháp nghiên cứu</b>	18
<b>8. Khung phân tích</b>	19
<b>NỘI DUNG CHÍNH</b>	20
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI</b>	20
<b>1.1 Khái niệm công cụ</b>	20
1.1.1 Internet	20
1.1.2. Sử dụng mạng internet	20
1.1.3. Học sinh THPT	21
<b>1.2. Lý Thuyết áp dụng</b>	21
1.2.1 Lý thuyết xã hội hóa	21
1.2.2. Lý thuyết Hành động xã hội	24
1.2.3. Lý thuyết sự lựa chọn hợp lý	26
<b>1.3 Khái lược chung vai trò của Internet trong đời sống xã hội</b>	27
<b>1.4. Sơ lược về địa bàn nghiên cứu</b>	29
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG MẠNG INTERNET CỦA HỌC SINH THPT NÔNG THÔN</b>	

**2.1 . Mục đích và nội dung truy cập internet của học sinh THPT nông thôn 31**

**2.2. Địa điểm, cách thức học sinh truy cập internet Error! Bookmark not defined.**

**2.3. Thời gian, tần suất học sinh THPT nông thôn truy cập internet Error! Bookmark not defined.**

**CHƯƠNG 3: ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG MẠNG INTERNET TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HỌC SINH THPT NÔNG THÔN Error! Bookmark not defined.**

**3.1. Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng internet trong học tập. Error! Bookmark not defined.**

**3.2.Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng internet đối với hoạt động giải trí của học sinh Error! Bookmark not defined.**

**3.3. Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng internet đối với hoạt động giao lưu, kết bạn của học sinh. Error! Bookmark not defined.**

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ Error! Bookmark not defined.**

**Phụ lục Error! Bookmark not defined.**

Tài Liệu Tham Khảo 37

Phiếu trưng cầu ý kiến Error! Bookmark not defined.

Biên bản phỏng vấn sâu Error! Bookmark not defined.

## DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng2.1: Sự khác biệt giữa học sinh nam và nữ trong việc đánh giá hoạt động ưu tiên nhiều nhất khi sử dụng mạng internet.....</i>	<i>32</i>
<i>Bảng 2.2: Sự khác biệt giữa học sinh các khối trong việc lựa chọn các hoạt động ưu tiên hàng đầu khi sử dụng mạng internet.....</i>	<i>33</i>
<i>Bảng 2.3: Lựa chọn nội dung truy cập trên mạng internetgiữa học sinh nam và học sinh nữ(đơn vị %)......</i>	<i>36</i>
<i>Bảng 2.4: Sự khác biệt về mặt giới tính trong lựa chọn địa điểm truy cập mạng internet. ....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng 2.5: đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến việc sử dụng mạng internet của học sinh, thang điểm từ 1 (ít nhất) đến 5(nhiều nhất). ....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng2.6: Tương quan giữa tần suất truy cập mạng internet với việc lắp đặt mạng internet tại gia đình. ....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng2.7: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến việc sử dụng mạng internet của học sinh 3 khối .....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng2.8: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến việc sử dụng mạng internet của học sinh nam và học sinh nữ.....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng2.9: Số năm sử dụng mạng internet của học sinh nam và nữ. ....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng2.10: Số năm sử dụng mạng internet của học sinh 3 khối..</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng2.11: Tương quan giữa nghề nghiệp của cha mẹ học sinh với việc kết nối mạng internet.....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Bảng2.12: Sự khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ về thời gian mỗi lần truy cập mạng internet .....</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>

**Bảng 3.1: Tương quan giữa học lực của học sinh và tần suất truy cập mạng internet** .....*Error! Bookmark not defined.*

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

<b>Biểu đồ 2.1: Mục đích sử dụng mạng internet của học sinh (Đơn vị %)</b> .....	32
<b>Biểu đồ 2.2: Nội dung thông tin học sinh thường tìm kiếm nhiều nhất khi truy cập mạng internet (đơn vị %).</b> ....	34
<b>Biểu đồ 2.3: Địa điểm truy cập internet thông xuyên của học sinh (Đơn vị %)</b> ... <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.4 Tỷ lệ học sinh sử dụng các thiết bị điện tử trong việc truy cập internet (đơn vị %)</b> ..... <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.5: Sự khác biệt trong việc sử dụng thiết bị truy cập internet giữa học sinh các khối. (đơn vị %)</b> ..... <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.6: Số năm học sinh sử dụng mạng internet (đơn vị %) <i>Error! Bookmark not defined.</i></b>	
<b>Biểu đồ 2.7: Thời gian sử dụng mạng internet giữa học sinh các khối (đơn vị %).</b> .. <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.8: Nghề nghiệp của phụ huynh và việc họ quản lý thời gian sử dụng mạng internet của học sinh. (đơn vị %) .....</b> <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.9: Tần suất truy cập mạng internet của học sinh (đơn vị %) .....</b> <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.10: Sự khác biệt trong tần suất sử dụng mạng internet giữa học sinh nam và học sinh nữ (đơn vị %)</b> ..... <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.11: Thời điểm học sinh thường truy cập mạng internet (đơn vị %)</b> <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.12: Thời gian mỗi lần truy cập mạng internet của học sinh (đơn vị %)</b> ..... <i>Error! Bookmark not defined.</i>	
<b>Biểu đồ 2.13: Thời gian mỗi lần sử dụng mạng internet của học sinh các khối. (đơn vị %)</b> ..... <i>Error! Bookmark not defined.</i>	

***Biểu đồ 3.1: Thời gian tự học mỗi ngày của học sinh. (đơn vị %). Error! Bookmark not defined.***

***Biểu đồ 3.2: Mục đích truy cập mạng internet của học sinh trong thời gian tự học (đơn vị %). Error! Bookmark not defined.***

***Biểu đồ 3.3: cách khắc phục của học sinh khi gặp thắc mắc trong học tập (đơn vị %). Error! Bookmark not defined.***

***Biểu đồ 3.5: Tỷ lệ học sinh sử dụng các trang mạng xã hội (đơn vị %). Error! Bookmark not defined.***

***Biểu đồ 3.6: Đánh giá của học sinh các khối về việc sử dụng mạng internet làm giảm thời gian vui chơi, trò chuyện trực tiếp với bạn bè (đơn vị %). Error! Bookmark not defined.***

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh thời đại công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ, Internet đã có mặt ở Việt Nam và tạo nên nhiều thay đổi lớn trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. Đặc biệt hơn nữa, mạng Internet hiện nay không chỉ phổ biến ở khu vực đô thị mà ngày được phủ sóng rộng rãi ở khu vực nông thôn.

Theo số liệu mới được công bố bởi Tổ chức thống kê số liệu Internet quốc tế (internetworldstats), tính đến hết tháng 6/2015, Việt Nam đã có 45,5 triệu người dùng internet, đạt mức thâm nhập/dân số là 48%. Số lượng người dùng nói trên bao gồm người truy cập internet ở tất cả các phương tiện hỗ trợ (PC, laptop, điện thoại...).

Với con số này, Việt Nam đang được xếp thứ 6 trong khu vực châu Á về số lượng người dùng, sau Trung Quốc (674 triệu), Ấn Độ (354 triệu), Nhật Bản (114,9 triệu), Indonesia (73 triệu), Philippines (47,1 triệu) và đứng thứ 17/20 quốc gia có lượng người dùng internet nhiều nhất thế giới.

Người Việt Nam online 5 giờ đồng hồ bằng các thiết bị vi tính để bàn, và gần 3 tiếng đối với các thiết bị di động. Trung bình việc truy cập và sử dụng các trang mạng xã hội chiếm 2 giờ thời gian sử dụng.

Với 45% dân số sử dụng internet tức 41 triệu người dùng. Trong đó có khoảng 30 triệu người sử dụng các trang mạng xã hội và số người đang dùng các mạng này trên di động là 26 triệu người. Thống kê cho thấy, người Việt Nam tốn tới hơn 5 tiếng mỗi ngày để lên mạng đối với người dùng máy tính và gần 3 tiếng với người dùng điện thoại. Hầu hết khoảng thời gian này đều được dùng vào các mạng xã hội. Tổng thời gian trung bình mà một người Việt Nam truy cập vào mạng xã hội trong ngày là 2 tiếng.

Riêng đối với lớp trẻ, đặc biệt là học sinh phổ thông, việc sử dụng Internet ngày càng phổ biến. Bên cạnh những tiện ích, những tác động tích cực không thể phủ nhận, việc truy cập Internet còn có những tác động tiêu cực đến học tập của nhiều học sinh trung học phổ thông (THPT), trở thành mối lo của các bậc phụ huynh, nhà trường và xã hội.

Khu vực nông thôn trong những năm gần đây việc lắp đặt mạng internet đang ngày càng trở nên phổ biến, bằng chứng là ngày càng có nhiều điểm truy cập internet dịch vụ và nhiều gia đình kết nối mạng tại nhà. Tuy nhiên số lượng người dùng chủ yếu là học sinh trung học. Ở độ tuổi này, học sinh chưa thể nhận thức được hết những ảnh hưởng trên cả hai mặt của mạng Internet, do vậy dễ dẫn đến sự lạm dụng mạng internet, gây nên những hậu quả tiêu cực. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “Hoạt động sử dụng mạng Internet của học sinh THPT nông thôn (Nghiên cứu trường hợp trường THPT Mỹ Đức B - Huyện Mỹ Đức- Thành phố Hà Nội) trở nên hết sức cần thiết để có cái nhìn tổng quát về vấn đề này

## **2. Tổng quan**

Trước sự phổ biến của mạng Internet trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, những nghiên cứu về Internet và ảnh hưởng của Internet được quan tâm rất nhiều trong những năm gần đây:

Những nghiên cứu về mạng Internet và thực trạng sử dụng mạng Internet

Trần Phương Thùy (2010) *Nghiên cứu hành vi sử dụng mạng internet của thanh thiếu niên Hà Nội*. Luận văn cho thấy mức độ thường xuyên sử dụng mạng internet của giới trẻ Hà Nội. Đối tượng sử dụng internet nhiều lần/ngày chiếm tỷ lệ cao nhất 35.9%, đối tượng sử dụng 1 lần/ ngày chiếm 31.4% điều này cho thấy giới trẻ vào mạng internet với cường độ khá cao. Trong đó giới trẻ online nhiều nhất vào khoảng thời gian 20h -24h là 33.5% và khoảng 14h – 18h là 21.9%. Tần suất và thời gian online của giới trẻ phụ thuộc rất nhiều vào thời gian sinh hoạt tại gia đình và nhà trường. Sinh viên đại học được tự lập hơn về cuộc sống và học tập do đó thời lượng truy cập mạng internet nhiều hơn đáng kể so với học sinh. Với sự phát triển của công nghệ với các loại hình giải trí, tin tức... đã thu hút được sự quan tâm lớn của giới trẻ vào việc truy cập internet do đó vài năm gần đây số lượng giới trẻ truy cập một cách thường xuyên tăng lên mạnh mẽ. Hoạt động của giới trẻ khi truy cập internet, Thanh thiếu niên phần lớn đều biết Internet là một nguồn thông tin và giải trí. Họ sử dụng Internet làm phương tiện giải trí nhiều hơn để tìm kiếm thông tin. Phần đông (68,7%) có sử dụng Internet để tán gẫu và 61,4% sử dụng máy tính/ Internet để chơi trò chơi điện tử trực tuyến và 100% người đang sử dụng internet được hỏi đều sử dụng internet để liên lạc với người khác (chat và email). Giới sinh viên



quan tâm nhiều hơn tới các tin tức online và khai thác tài nguyên internet nhiều hơn giới học sinh, bởi họ có trình độ hay sự hiểu biết nhiều hơn. 35% người tham gia vào các forum, viết blog và các mạng xã hội lớn tại Việt Nam. Đề tài mới dừng ở việc mô tả thực trạng sử dụng internet của giới trẻ ở Hà Nội mà chưa đi sâu vào phân tích các nguyên nhân dẫn đến thực trạng này.

Bài viết *Thực trạng sử dụng Internet của thanh thiếu niên Việt Nam* tập trung vào thực trạng mục đích sử dụng internet của giới trẻ sau 10 năm Internet du nhập vào Việt Nam với những lợi bất cập hại về các hình thức giải trí và liên hệ trên thế giới ảo. Bài viết cho thấy thanh thiếu niên đang quá thiếu định hướng để biết và thấy cần khai thác những mặt tích cực của thế giới ảo như thế nào. Qua đó có thể thấy xu hướng tập trung sự chú ý của giới trẻ là những trò giải trí mới lạ và bắt mắt, những trào lưu trong từng thời điểm. Đặc biệt một phần lớn giới học sinh bắt đầu tìm đến internet là để trò chuyện, tán gẫu với bạn bè qua các cửa sổ chat thay vì tìm hiểu về trình duyệt web. Bài viết chỉ tập trung vào 1 khía cạnh là mục đích sử dụng internet của giới trẻ tại Việt Nam.

Bài viết *Đánh giá tình hình sử dụng Internet của thanh niên Việt Nam* đăng ngày 11/3/2008 Đánh giá được cung cấp bởi iGURU Việt Nam dựa trên yêu cầu điều tra của về tình hình sử dụng Internet của thanh thiếu niên Việt Nam. Đánh giá nhằm mục đích phác họa sơ lược bức tranh Internet Việt Nam với đối tượng sử dụng là thanh thiếu niên Việt Nam sau 10 năm Internet du nhập vào Việt Nam. Đánh giá sử dụng các số liệu của SAVY, TNS, Google, VNNIC và iGURU Việt Nam để minh họa. Bài viết cho ra số liệu tổng hợp nhất về mục đích sử dụng mạng internet của giới trẻ : “họ sử dụng Internet vào mục đích chơi điện tử trực tuyến, tán gẫu, thảo luận, nghe nhạc, đọc tin tức, hầu hết tự tìm hiểu để biết sử dụng. Tỷ lệ nam thanh niên tham gia vào Internet chiếm nhiều hơn nữ.” và tỉ lệ sử dụng “Thanh thiếu niên phần lớn đều biết Internet là một nguồn thông tin và giải trí. 90,3% thanh thiếu niên ở thành thị và 65,6% ở nông thôn đã nghe nói về Internet, tuy nhiên tỷ lệ đã sử dụng còn thấp. Chỉ có 17,3% trên tổng số đã từng dùng Internet, trong đó thanh niên nông thôn sử dụng ít hơn thanh thiếu niên thành thị tới 4 lần (12,8% và 50,2%).”, “Thanh thiếu niên sử dụng Internet làm phương tiện giải trí nhiều hơn để tìm kiếm thông tin. Phần đông (68,7%) có sử dụng Internet để tán gẫu và 61,4%

sử dụng máy tính/ Internet để chơi trò chơi điện tử trực tuyến.” ... Bản đánh giá trên có sự tổng hợp số liệu nhưng chưa bao quát được hết hành vi sử dụng internet của giới trẻ Việt Nam. Bên cạnh đó dữ liệu sử dụng từ những năm 2004- 2008, với tốc độ phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin thì trong những năm gần đây sự thay đổi về mức độ nhận biết cũng như sử dụng internet của giới trẻ cũng có những khác biệt đáng kể.

### **Những nghiên cứu về tác động của Internet**

Một trong những nghiên cứu về tác động của mạng internet đến đời sống phải kể đến đề tài “ *Tác động của Internet đến lối sống của sinh viên* ” của Nguyễn Quý Thanh . Đề tài đã chỉ ra Internet là một phương tiện truyền thông kiểu mới , có tác động đa chiều, thậm chí trái ngược nhau đến hoạt động học tập , giải trí và định hướng giá trị của sinh viên Việt Nam hiện nay . Qua Internet làm cho lối sống của sinh viên trở nên năng động , hướng ngoại nhiều hơn , định hướng giá trị mang tính tự do hơn so với các thế hệ sinh viên trước kia.

Nghiên cứu “ *Sinh viên và mạng xã hội Facebook: Một phân tích về sự tiến triển vốn xã hội*” (Khảo sát tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trường Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông) của Đoàn Thùy Dương, luận văn thạc sỹ chuyên ngành xã hội học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn . Luận văn đã chỉ ra một số tác động của Facebook đến quá trình tiến triển vốn xã hội của sinh viên hiện nay. Thông qua việc tìm hiểu mạng xã hội Facebook và tiếp cận các lý thuyết về tương tác xã hội, luận văn đã phân tích tình hình sử dụng mạng xã hội facebook trong sinh viên, đồng thời chỉ ra những hiệu quả dương tính, âm tính, ngoại biên của việc sử dụng Facebook đến tương tác xã hội của sinh viên. Những dẫn chứng từ thực tiễn đã khẳng định sức ảnh hưởng mạnh mẽ của mạng xã hội này đến thói quen, lối sống của sinh viên. Khi tham gia vào Facebook, được tiếp xúc, trao đổi, tương tác với các nhóm đối tượng khác nhau sẽ giúp cho sinh viên thắt chặt thêm các mối quan hệ đối với các đối tượng và trong các nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn mà họ tham gia để cùng nhau chia sẻ các thông tin một cách hiệu quả và tối đa, giúp tạo ra một mạng lưới quan hệ xã hội vững chắc để quá trình tiến triển vốn xã hội của sinh viên trên Facebook được hiệu quả hơn. Facebook ảnh hưởng đến đời sống của sinh viên trong rất nhiều lĩnh vực. Sinh viên thường chịu tác động của

các thông tin trên Facebook về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, học tập... Tuy nhiên tùy từng thông tin mà có những mức độ ảnh hưởng và tác động đến mỗi sinh viên. Sinh viên những năm đầu tiên có mức độ bị ảnh hưởng bởi các thông tin trên Facebook nhiều hơn sinh viên những năm cuối. Bên cạnh những mặt tích cực, việc sử dụng Facebook sẽ tạo nên những hệ quả tiêu cực đối với đời sống thực của sinh viên như: giảm khả năng giao tiếp thực, dễ bị ảnh hưởng bởi những dư luận trên mạng, giảm khả năng xử lý tình huống, khó chia sẻ các vấn đề của mình trong thực tế; tương tác trong thế giới ảo có thể làm mờ đi con người thật, ảnh hưởng đến tâm lý khẳng định mình, khả năng hoàn thiện bản thân trong thực tế; Facebook dần làm thay đổi thói quen tương tác của sinh viên, trong đó có nhiều thói quen tốt bị mất đi và thay vào đó bởi nhiều thói quen không tốt và ảnh hưởng tới tiêu cực tới sinh viên.

Đề tài “*Bước đầu nghiên cứu về thực trạng nghiện Internet của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn quận Hải Quân và Liên Chiểu - thành phố Đà Nẵng*” của Bùi thị Huệ (trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng) đã chỉ ra một số tác động tiêu cực của Internet đến giới trẻ hiện nay. Theo nghiên cứu cho thấy thời gian mà giới trẻ dành cho Internet càng nhiều sẽ gây nên tâm lý lo lắng cho phụ huynh càng lớn. Nghiên cứu cũng chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng quá nhiều thậm chí là lạm dụng phương tiện internet trong đời sống của giới trẻ như: mạng internet dễ dẫn tới sự say mê, lười cuốn quá đà, ảnh hưởng đến sức khỏe, học tập và có những cách cư xử kỳ lạ, rơi vào chứng bệnh “nghiện internet”. Đây là những tác động tiêu cực mà con người phải đối mặt khi có sự xuất hiện của một phương tiện truyền thông mới, đồng thời cho thấy một khía cạnh về lối sống của bộ phận thanh niên trong xã hội hiện đại.

Một nghiên cứu về hệ quả tiêu cực của mạng xã hội được đề cập trong cuốn sách *The Net Delusion* (Ảo tưởng trên mạng) của Evgeny Morozov (2012) đã đưa ra những lập luận chỉ trích các trang mạng xã hội bằng cách cập nhật “status” hoặc trang hoàng cho trang cá nhân của mình thay vì tham gia vào các hoạt động thực sự. Theo ông, mạng xã hội đang khiến con người trở nên chây lười và sống trong sự ảo tưởng rằng hành vi kích chuột bấm “like” cũng tương đương với việc tham gia một hoạt động nhân đạo cần đến sự đóng góp tiền bạc và thời gian.

Với cách nhìn nhận từ chiều cạnh mối quan hệ giữa Internet, mạng xã hội với vốn xã hội, nghiên cứu “*social Networking Sites: Their Users and Social Implications- A longitudinal Study*” (2012) của Petter Bae Bradtzaeg đã khảo sát người sử dụng trực tuyến tại Na Uy với số lượng mẫu là 2000 người nằm trong độ tuổi từ 15 đến 75 tuổi. Nghiên cứu đã đưa ra kết luận rằng, có sự khác biệt đáng kể về vốn xã hội giữa nhóm không sử dụng mạng xã hội và nhóm có sử dụng trên ba khía cạnh: giao tiếp mặt đối mặt, số người quen và vốn bắc cầu.

Nghiên cứu “*Computer Networks As Social Networks: Collaborative work. Telework and Virtual community*” (1996) của Barry Wellman và các cộng sự đã đề cập đến mạng máy tính như một mạng xã hội, là không gian để hình thành các cộng đồng ảo, nó làm thay đổi cách thức làm việc, tương tác với nhau giữa các công dân.

Tại Việt Nam, mạng Internet hiện nay không còn là điều xa lạ, hơn nữa những nghiên cứu về việc sử dụng mạng Internet nói chung và tác động của nó trong đời sống đã trở thành hướng nghiên cứu của nhiều tác giả, một trong số những công trình nghiên cứu đó phải kể đến như:

Cuốn sách “*Mạng xã hội với giới trẻ thành phố Hồ Chí Minh*” do tác giả Nguyễn Thị Hậu chủ biên đã tập hợp những bài viết và các nghiên cứu dưới góc độ xã hội học và truyền thông đại chúng được công bố trong hội thảo “Mạng xã hội với lối sống của giới trẻ thành phố Hồ Chí Minh” nhà xuất bản Văn hóa- Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh (2013), cuốn sách được trình bày theo mảng chủ đề sau:

Chủ đề thứ nhất là những vấn đề chung như khái niệm về mạng xã hội, sự ra đời, phát triển và vai trò của mạng xã hội trong thời đại thông tin ngày nay. Quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm của mạng xã hội ở Việt Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Một số quan niệm truyền thống về mạng xã hội, về xu hướng mới của xã hội công nghệ thông tin và đặt ra những câu hỏi khá lý thú nhưng cũng khá phức tạp về việc quản lý các mạng xã hội ảo như thế nào và làm sao để phát huy được mặt tích của mạng xã hội này.

Chủ đề thứ hai đề cập đến ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống giới trẻ thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, thông qua việc tìm hiểu nhu cầu, mục đích và các hình thức sử dụng mạng xã hội.

Phản ánh mặt tích cực của mạng xã hội, những tiện ích mà nó mang lại cho cộng đồng người tham gia như nhu cầu sử dụng mạng xã hội trong học tập, giao tiếp và tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp. Những thành viên trong các mạng xã hội liên kết hợp tác với nhau thành các nhóm thực hiện công tác xã hội như làm từ thiện, giúp đỡ trẻ đường phố, tổ chức những sinh hoạt văn hóa lành mạnh. Hay đơn giản chỉ là chiếc cầu nối để những người có cùng sở thích, cùng sự quan tâm, cùng ý nguyện có thể gặp gỡ, trao đổi trên mạng rồi tiến tới sinh hoạt offline, nhiều nhóm cộng đồng có tính chất tích cực từ "mạng ảo" đã xuất hiện trong "đời thực"... Đây chính là những tác động tốt không thể phủ nhận mà mạng xã hội mang lại cho xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh đó việc sử dụng mạng xã hội cũng có những tác động tiêu cực cho người dùng đặc biệt là những người trẻ, phổ biến nhất là sự phát triển của mạng xã hội đã làm nảy sinh biểu hiện "nghiện" mạng xã hội ở một số thành viên. Bên cạnh đó, mạng xã hội còn có nguy cơ tiềm ẩn khi những thông tin, nội dung, hình ảnh riêng tư được đưa lên mạng nhằm chia sẻ với người thân, bạn bè... nhưng vô tình bị kẻ xấu lợi dụng, sử dụng nhằm mục đích xấu, hoặc người sử dụng chưa có ý thức hoặc vô trách nhiệm trong việc đưa thông tin xấu lên mạng gây ảnh hưởng không tốt đến lối sống, suy nghĩ của một bộ phận cư dân mạng.

Chủ đề thứ ba là những đề xuất, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả việc sử dụng mạng xã hội của giới trẻ. Nhấn mạnh tầm quan trọng của sự định hướng của gia đình, nhà trường, xã hội đối với giới trẻ trong việc sử dụng mạng xã hội hiện nay. Từ đó đề xuất một số giải pháp quản lý, giáo dục việc sử dụng mạng xã hội cho giới trẻ, hướng đến những hành vi và lối sống tốt đẹp. Đồng thời nhấn mạnh: Sự hiện diện và phát triển của mạng xã hội là khách quan nhưng tiếp nhận, tham gia và sử dụng nó như thế nào lại tùy thuộc và chủ quan người dùng. Trình độ nhận thức về văn hóa xã hội, nền tảng đạo đức, lối sống của gia đình, ảnh hưởng của môi trường sống... là những nhân tố quan trọng giúp người sử dụng phân định ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của mạng xã hội. Từ đó có

thể biết tận dụng và phát huy những lợi ích tích cực mà mạng xã hội đem lại, tự hạn chế và loại bỏ những tiêu cực do số ít người sử dụng gây ra.

Cuốn sách Internet: *Mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc* của tác giả Nguyễn Thị Phương Châm (2013) được cấu trúc thành 4 chương: Chương 1: Bối cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XXI và sự phát triển của Internet; Chương 2: Thực trạng việc sử dụng Internet của giới trẻ hiện nay; Chương 3: Internet và sự kết nối mạng lưới xã hội; Chương 4: Internet và sự thể hiện bản sắc; Chương 5: Những vấn đề đặt ra từ sự kết nối mạng lưới xã hội và thể hiện bản sắc của giới trẻ hiện nay trong không gian của Internet.

Trong Chương 1, cuốn sách giới thiệu tổng quan về bối cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XXI với những bước phát triển mạnh mẽ. Tình hình xã hội Việt Nam có sự chuyển đổi rõ rệt (từ xã hội bao cấp chuyển hẳn sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế). Theo đó, những chính sách, đường lối đổi mới (về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội) của Nhà nước từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX đang dần dần thay đổi bộ mặt xã hội Việt Nam góp phần tạo nên bức tranh đa sắc màu của một giai đoạn xã hội chuyển đổi. Điều này đã tác động không nhỏ và là nền tảng quan trọng cho việc hình thành, phát triển cũng như sự ảnh hưởng của văn hóa mạng đối với cả xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và giao lưu, hội nhập quốc tế.

Ở Chương 2, tác giả tập trung phân tích tác động của bối cảnh xã hội với sự đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội tới thực trạng và thói quen sử dụng Internet của giới trẻ qua khảo sát nhóm thanh niên (tuổi từ 16 -30) ở Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh dựa vào các chỉ báo đo lường: Sở hữu phương tiện truy cập Internet; Thời điểm truy cập Internet; Thời gian sử dụng Internet trong ngày; Chi phí sử dụng Internet; Mục đích truy cập Internet; Các trang mạng phổ biến; Các hoạt động trực tuyến phổ biến; Ngôn ngữ sử dụng trên Internet; Quan điểm về việc sử dụng Internet.

Chương 3 tập trung lý giải khía cạnh đa chiều, sâu sắc văn hóa mạng của giới trẻ xuất phát từ những trải nghiệm về sự thay đổi thời gian, không gian, phương thức giao tiếp qua kết nối mạng lưới xã hội trực tuyến đã tạo nên một thế giới giao tiếp ảo bên cạnh thế giới giao tiếp thực tế. Bên cạnh đó, tác giả khẳng định những lợi ích từ mạng lưới xã hội trực tuyến mang lại: (1) Dễ dàng có được mạng lưới quan hệ rộng; (2) Mọi vấn đề

trong cuộc sống đều được chia sẻ nhanh chóng; (3) Có được sự tự do bình đẳng trong các mối quan hệ; (4) Tiết kiệm chi phí cho việc đầu tư quan hệ.

Chương 4, tác giả đi sâu tìm hiểu giới trẻ thể hiện bản sắc cá nhân và bản sắc nhóm và nhu cầu khẳng định cái tôi nhằm tạo dựng phong cách hiện đại xuất phát từ: đam mê công nghệ, ăn ngủ cùng Internet, cởi mở và thoáng trong các mối quan hệ, dễ bị chi phối bởi tâm lý đám đông, năng động, thực tế, táo bạo, dám thể hiện bản thân, thích khám phá, sáng tạo cũng như thử nghiệm những cái mới, cái khác lạ. Đặc biệt, Internet và mạng lưới xã hội thực sự mang đến những trải nghiệm đa dạng hóa thân vào nhiều vai trò, vị trí, tính cách không có thực như đi vào một thế giới đa bản sắc, đa phong cách.

Chương 5 bình luận kết hợp đề xuất những vấn đề đặt ra từ sự kết nối mạng lưới xã hội: mở rộng và gia tăng đa chiều thể hiện bản sắc của giới trẻ hiện nay trong không gian Internet thực và ảo; tính hai mặt, đặc biệt là sự lệ thuộc trong quá trình xây dựng hình ảnh, khẳng định bản thân thông qua Internet.

Nhìn chung, cuốn sách phản ánh bức tranh toàn cảnh về thực trạng sử dụng Internet và những trải nghiệm thể hiện bản sắc của giới trẻ qua mạng lưới xã hội tạo nên diện mạo mới của văn hóa mạng trong bối cảnh xã hội đương đại. Đồng thời, giá trị thực tiễn công trình này còn thể hiện qua việc khai thác những vấn đề triển vọng cần nghiên cứu trong thời gian tới: Giáo dục qua Internet; Internet và sự trải nghiệm tính hiện đại; Cuộc sống online: sự hòa nhập và chia rẽ; Biên giới, ranh giới trong không gian của Internet; Phong cách sử dụng Internet; Quyền lực và Internet; Sự bất cập trong sử dụng Internet hiện nay; Định hướng về văn hóa cho giới trẻ. Qua đó, đưa ra những cơ sở khoa học cho các nhà hoạch định chính sách về phát triển, quản lý Internet, những nhà giáo dục và cả xã hội tham khảo để từ đó có cách nhìn khách quan, chính xác hơn về văn hóa mạng góp phần xây dựng văn hóa mạng lành mạnh, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội đương đại.

Đề tài “*Tác động của Game online đối với việc học tập và nâng cao kiến thức của học sinh đô thị hiện nay*” luận văn thạc sỹ xã hội học của Nguyễn Thị Phương Thảo (2013) đã mô tả được chân dung của những người chơi game online trong độ tuổi đi học. Đồng thời phân tích những nguyên nhân tác động tới việc lựa chọn và thực hiện hành vi

chơi game của những học sinh tại thành phố Ninh Bình trên các khía cạnh: thâm niên chơi, mức độ chơi, thời gian chơi, thời điểm chơi, chi phí phải trả... Qua đó rút ra được những tác động tích cực và tiêu cực của game online đối với vấn đề học tập và nâng cao kiến thức của học sinh trên địa bàn thành phố Ninh Bình cũng như một số vấn đề liên quan đến thời gian, tiền bạc, sức khỏe, tâm sinh lý, những sinh hoạt thường ngày...không chỉ đối với những học sinh này mà còn với gia đình họ.

Đề tài *‘Nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Thái Bình’*, luận văn thạc sỹ Tâm lý học của Đặng Thị Nga (2013) mô tả tình hình chung về việc sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình. Đồng thời, nghiên cứu chỉ ra mạng xã hội đóng một vai trò nhất định cũng như có ảnh hưởng lớn đối với hoạt động sống và học tập của sinh viên. Những mạng xã hội mà sinh viên thường xuyên sử dụng nhất là facebook, Zingme, Youtube với mục đích truy cập phong phú như giải trí, học tập và tìm kiếm việc làm. Bên cạnh đó sinh viên ít được tiếp thu một cách khoa học những kiến thức về mạng xã hội, đây chính là lý do mà họ chưa biết cách để phát huy tối đa những lợi ích từ mạng xã hội và giảm thiểu những tác hại của nó. Với việc tìm hiểu nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên, tác giả đưa ra kết luận: nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Cao đẳng Thái Bình là rất cao và có sự khác biệt giữa mức độ và biểu hiện nhu cầu sử dụng giữa các nhóm khách thể nghiên cứu.

Bài viết của tác giả Đào Lê Hòa An với tựa đề *“Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người- một thách thức mới cho tâm lý học”*- đăng trên Tạp chí Khoa học, trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, số 49 (2013). Bài viết đã đề cập đến một số công trình nghiên cứu về mạng xã hội Facebook trên thế giới, đồng thời trình bày những nghiên cứu về hành vi sử dụng Internet nói chung và Facebook nói riêng tại Việt Nam. Từ đó tác giả cho rằng rất cần thiết có thêm những nghiên cứu chuyên sâu về hành vi sử dụng Facebook, đặc biệt là lý giải dưới góc độ tâm lý học đối với một vấn đề mang tính chuyên biệt này.

Trong đề tài nghiên cứu khoa học *“Ảnh hưởng của mạng xã hội Facebook đối với người dùng là sinh viên”* tại trường Đại học Kinh tế- Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2012) của nhóm sinh viên Trương Thanh Hằng, Trương Thanh Hà,



Nguyễn Thị Yến Trinh, Nguyễn Trần Khánh Phương. Nghiên cứu đã đưa ra những nhìn nhận nghiêm túc về thực trạng sử dụng mạng xã hội của giới trẻ Việt Nam hiện nay, mà cụ thể ở đây là sinh viên trường Đại học Kinh tế- Luật cũng như mức độ ảnh hưởng của mạng xã hội Facebook đến sinh viên thông qua việc kiểm chứng các giả thuyết đã được đặt ra. Kết luận của nghiên cứu cho thấy, thời gian sử dụng Facebook mỗi ngày có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình học tập và rèn luyện của mỗi sinh viên, từ đó đưa ra những khuyến nghị đối với các bạn sinh viên nên có kế hoạch, thời gian biểu cụ thể để dành thời gian hợp lý vào Facebook, tránh lạm dụng quá mức trang mạng xã hội này dẫn đến lãng phí thời gian và ảnh hưởng đến học tập, rèn luyện.

### **3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Về lý luận, đề tài giúp tôi kiểm chứng và vận dụng những kiến thức liên quan đến các lý thuyết xã hội học vào thực tiễn. Đây sẽ là kinh nghiệm quý báu để tôi tích lũy, hoàn thiện thêm kiến thức của mình và thêm vững vàng trong lập luận cho những nghiên cứu về sau.

Nghiên cứu cũng góp phần vào việc tìm hiểu một cách khách quan thực trạng sử dụng mạng internet của học sinh trung học phổ thông ở nông thôn hiện nay. Việc nghiên cứu này bổ sung thêm hiểu biết về những ảnh hưởng của mạng internet trong cuộc sống nói chung và đối với học sinh THPT nông thôn nói riêng. Những nhận thức đúng đắn mang ý nghĩa thực tiễn này giúp cho gia đình, nhà trường và xã hội có những điều chỉnh thích hợp để việc sử dụng mạng internet của học sinh THPT ngày càng hiệu quả hơn.

### **4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **4.1. Mục đích nghiên cứu**

Đề tài hướng tới việc tìm hiểu thực trạng sử dụng mạng internet của học sinh THPT nông thôn. Đồng thời thấy được những ảnh hưởng của việc sử dụng mạng Internet trong đời sống của học sinh THPT và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng mạng internet. Từ đó rút ra những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng mạng internet trong học tập của học sinh THPT.

#### **4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Đề tài tìm hiểu thực trạng sử dụng mạng Internet của học sinh THPT khu vực nông thôn thông qua các chỉ báo về mặt mục đích truy cập, nội dung truy cập, địa điểm, cách thức truy cập, thời gian và tần suất sử dụng Internet.

Chỉ rõ ảnh hưởng của việc sử dụng mạng internet đến đời sống của học sinh trên ba khía cạnh học tập, giải trí và giao lưu kết bạn.

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng mạng internet của học sinh THPT nông thôn. Từ đó rút ra những khuyến nghị cụ thể để việc sử dụng mạng internet của học sinh THPT được hiệu quả.

## **5. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu**

### 5.1. Đối tượng nghiên cứu:

Hoạt động sử dụng mạng internet của học sinh THPT nông thôn

### 5.2. Khách thể nghiên cứu:

Học sinh trường THPT Mỹ Đức B, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

### 5.3. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi không gian: trường THPT Mỹ Đức B.

Phạm vi thời gian: 4/2016

## **6. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu**

### 6.1 Câu hỏi nghiên cứu

Học sinh trường THPT Mỹ Đức B sử dụng mạng Internet như thế nào?

Việc sử dụng mạng Internet đang ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của học sinh?

Yếu tố nào ảnh hưởng đến việc sử dụng mạng Internet của học sinh?

### 6.2. Giả thuyết nghiên cứu

Sử dụng mạng Internet đang ngày càng phổ biến đối với học sinh THPT nông thôn. Học sinh truy cập mạng internet với nhiều mục đích và nội dung khác nhau. Đồng thời họ dành nhiều thời gian và tần suất cho việc truy cập internet.

Việc sử dụng mạng Internet ảnh hưởng nhiều trong đời sống của học sinh trên các khía cạnh học tập, giải trí và giao lưu kết bạn. Tuy nhiên, ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động giải trí của các em.

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng mạng internet của học sinh nhưng yếu tố tác động nhiều nhất đó là tác động từ phía bạn bè.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### ***Phương pháp phân tích tài liệu:***

Đề tài sử dụng phương pháp phân tích tài liệu trên các sách, báo, tạp chí, các đề tài, bài viết đã nghiên cứu có liên quan với vấn đề hoạt động sử dụng mạng internet và cách thức, mục đích sử dụng internet. Thông qua việc tìm hiểu các tài liệu liên quan đến việc sử dụng mạng internet trong cuộc sống để đi vào nghiên cứu sâu hơn việc sử dụng internet của đối tượng học sinh trung học phổ thông khu vực nông thôn. Các tài liệu sẽ cung cấp cho nghiên cứu những cách tiếp cận, các số liệu có liên quan để giúp cho nghiên cứu có thêm cơ sở thông tin và hoàn thành.

### ***Phương pháp trưng cầu ý kiến:***

Phương pháp trưng cầu ý kiến là phương pháp chính trong nghiên cứu này, nhằm thu thập kết quả định lượng. Tôi sử dụng phương pháp trưng cầu ý kiến đối với đối tượng học sinh THPT trường Mỹ Đức B, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có chủ đích. Đây là cách chọn mẫu phù hợp với dạng nghiên cứu trường hợp, thuận tiện cho người nghiên cứu về mặt thời gian, chi phí và công tác phát bảng hỏi cũng được diễn ra dễ dàng hơn. Tôi đã phát phiếu trưng cầu với 280 trường hợp tuy nhiên số phiếu trưng cầu ý kiến thu về có 240 phiếu đầy đủ thông tin và tôi xử lý thông tin của các phiếu này.

Cách thức tiến hành thu thập thông tin: Tôi tiến hành phát phiếu trưng cầu trong 3 ngày. Ngày đầu tiên là ngày 2/4/2016 tiến hành phát phiếu trưng cầu tại lớp 12a10 và 12a12. Tiếp đến là ngày 10/4/2016 phát phiếu trưng cầu cho học sinh lớp 11a9 và 11a13 và ngày cuối cùng là ngày 17/4/2016 phát phiếu trưng cầu cho học sinh lớp 10a7 và 10a9.

Cơ cấu mẫu như sau:

<b>Học sinh khối</b>	<b>Nam</b>		<b>Nữ</b>	
	<b>Tần số</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Tần số</b>	<b>Tần suất</b>

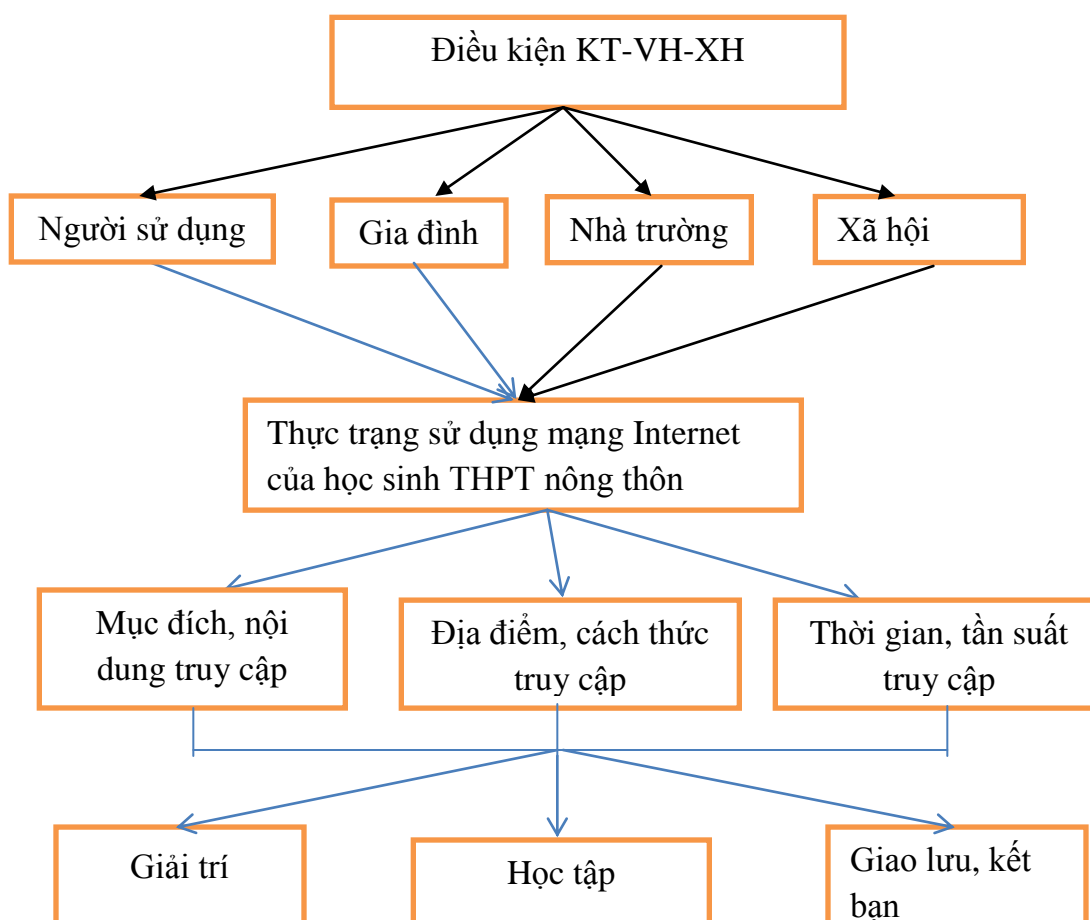
<b>Khối 10</b>	40	31,5	32	28,3
<b>Khối 11</b>	37	29,1	33	29,2
<b>Khối 12</b>	50	39,4	48	42,5
<b>Tổng</b>	127	100,0	113	100

Các phiếu trưng cầu thu về được làm sạch và xử lý bằng phần mềm thống kê dành cho khoa học xã hội SPSS 16.0.

***Phương pháp phỏng vấn sâu:***

Phương pháp nghiên cứu phỏng vấn sâu các em học sinh để biết được cách thức học sinh sử dụng mạng internet qua thông tin họ chia sẻ và hiểu được những mối quan tâm của họ trên mạng internet. Phỏng vấn sâu sẽ cung cấp những ý kiến, đánh giá sâu hơn của người trả lời về ảnh hưởng của mạng internet đến cuộc sống, cũng như đánh giá các yếu tố tác động đến việc sử dụng mạng internet của họ. Nghiên cứu phỏng vấn 8 trường hợp, trong đó 4 học sinh khối 12 (2 nam, 2 nữ) và 4 học sinh khối 10 (2 nam, 2 nữ).

**8. Khung phân tích**



## **NỘI DUNG CHÍNH**

### **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI**

#### **1.1 Khái niệm công cụ**

##### **1.1.1 Internet**

Internet là một hệ thống toàn cầu của các mạng máy tính được kết nối. Các máy tính và các mạng máy tính trao đổi thông tin sử dụng TCP/IP (Transmission Control Protocol/Internet Protocol - Giao thức TCP/IP) để liên lạc với nhau. Các máy tính được kết nối nhờ mạng viễn thông và Internet có thể được sử dụng để gửi nhận thư điện tử (email), truyền các tập tin và truy cập thông tin trên Mạng Toàn cầu (World Wide Web - WWW). ([www.bioinfohelpdesk.org](http://www.bioinfohelpdesk.org))

##### **1.1.2. Sử dụng mạng internet**

Theo từ điển tiếng việt, nghĩa của từ sử dụng là lấy làm phương tiện để phục vụ nhu cầu, mục đích nào đó. Theo nghĩa này, sử dụng mạng internet có nghĩa là khai thác, tìm kiếm các tài nguyên của mạng internet để phục vụ một nhu cầu hay mục đích nào đó, cụ thể như giải trí, học tập, làm việc... Trong đề tài này, tôi xem xét khái niệm sử dụng mạng internet trên các khía cạnh mục đích, thời gian sử dụng, địa điểm, cách thức sử dụng, thời gian và tần suất sử dụng.

### **1.1.3. Học sinh THPT**

Học sinh THPT là những em học sinh từ lớp 10 đến lớp 12 ở các trường THPT, tuổi đi học chuẩn là từ 16 đến 18, tuy nhiên có những em đi học sớm hơn và cũng có những em đi học muộn hơn.

Hoạt động học tập vẫn là hoạt động chủ đạo đối với học sinh THPT nhưng yêu cầu cao hơn nhiều đối với tính tích cực và độc lập trí tuệ của các em. Đây là độ tuổi rất nhanh nhạy với những cái mới. Đồng thời các em khao khát muốn có những quan hệ bình đẳng trong cuộc sống và có nhu cầu sống cuộc sống tự lập. Tính tự lập của các em thể hiện ở ba mặt: tự lập về hành vi, tự lập về tình cảm và tự lập về đạo đức, giá trị.

Nhu cầu giao tiếp với bạn bè cùng lứa tuổi trong tập thể phát triển mạnh. Khi giao tiếp trong nhóm bạn sẽ xảy ra hiện tượng phân cực – có những người được nhiều người yêu mến và có những người ít được bạn bè yêu mến. Điều đó làm cho các em phải suy nghĩ về nhân cách của mình và tìm cách điều chỉnh bản thân.

Chính những đặc điểm tâm sinh lý trên cũng là điều kiện thuận lợi giúp các em tiếp cận nhanh mới mạng internet và sử dụng mạng internet với những mục đích khác nhau.

## **1.2. Lý Thuyết áp dụng**

### **1.2.1 Lý thuyết xã hội hóa**

Thuyết Xã hội hóa ra đời gắn liền với tư tưởng của các nhà xã hội học người Mỹ như: Neil Smelser, Fichter, Andreeva.... Lý thuyết xã hội hóa đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của cá nhân khi tham gia vào quá trình xã hội hóa. Xã hội hóa là một quá trình mà ở đó, tất cả các cá nhân đều học cách để đáp ứng được những trông đợi của xã hội thông qua cách ứng xử, giao tiếp với những người khác.

Xã hội hoá là một quá trình thông qua đó con người hình thành nên tính cách của mình, học được cách ứng xử trong một xã hội hay một nhóm. Nói cách khác, chính là quá trình con người sinh vật học hỏi để trở thành con người xã hội. Như vậy, xã hội hoá bắt đầu từ khi con người ta sinh ra và chỉ kết thúc khi con người không còn tồn tại.

Như vậy, xã hội hoá là quá trình tiếp nhận nền văn hóa của xã hội nhờ đó chúng ta học được cách suy nghĩ và ứng xử được coi là thích hợp trong xã hội. Xã hội hoá cũng được xem là sự chuyển giao văn hoá giữa các thế hệ, và là cách thức mà các cá nhân trở thành thành viên của một xã hội, thể hiện những trải nghiệm của mình và xử sự theo những hành vi mà họ được học trong nền văn hoá của xã hội mà họ sống. Thông qua quá trình xã hội hoá, con người chấp nhận và thích nghi với những quy tắc của xã hội, sử dụng chúng để quy định hành vi của mình.

Thông qua việc học hỏi ở những người xung quanh, giáo dục và truyền thông, đã khiến các môi trường xã hội xung quanh có ảnh hưởng quyết định đối với mỗi cá nhân. Bàn về xã hội hoá, các nhà nghiên cứu thường quan tâm đến bốn môi trường xã hội hoá quan trọng sau: Gia đình; Nhà trường, và các tổ chức xã hội; Nhóm xã hội; Các phương tiện truyền thông đại chúng.

### ***Môi trường xã hội hoá: Gia đình***

Mỗi người đều sinh ra trong một gia đình. Quá trình xã hội hoá của một người từ những năm tháng đầu tiên của cuộc đời có ảnh hưởng quyết định tới thái độ và hành vi khi đã lớn, cho nên gia đình, như là nhóm người đầu tiên mà mỗi cá nhân trong mọi xã hội thường phải phụ thuộc vào, rõ ràng là một môi trường xã hội hoá đầu tiên và có tầm quan trọng chính yếu.

Để trưởng thành, mỗi người cần phải trải qua một thời gian dài ở gia đình trước khi có thể tự sinh sống. Quá trình xã hội hoá rất cần thiết để mỗi cá nhân trở thành những thành viên xã hội một cách đầy đủ, chính vì vậy, gia đình, như một môi trường xã hội đầu tiên là nơi cá nhân tiếp xúc và trải qua quá trình xã hội hoá của mình, ở đó, mỗi người được học để biết mình là ai, mình cần trở thành người như thế nào, và phải biết đối xử với người khác ra sao...

### ***Nhà trường và các tổ chức xã hội ngoài gia đình***

Các tổ chức xã hội đặc biệt là nhà trường có tầm quan trọng ngày càng tăng trong quá trình xã hội hoá của mỗi cá nhân do phần lớn thời gian ngoài gia đình, các cá nhân phụ thuộc vào các tổ chức đó. Trường học có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với cách nhìn nhận thông thường của mọi người: là nơi các cá nhân đến để tiếp thu kiến thức. Khi một

đưa trẻ tới trường, nó tiếp thu không phải chỉ các môn học của nhà trường mà cả những quy tắc và những cách thức quy định hành vi. Những quy tắc ứng xử với thầy cô, bạn bè trong nhà trường.

### ***Nhóm xã hội***

Bên cạnh gia đình và các tổ chức, các nhóm xã hội (đặc biệt là nhóm bạn) cũng là môi trường xã hội hoá quan trọng ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của mỗi cá nhân.

Cá nhân đặc biệt chịu ảnh hưởng của nhóm tương đương trong giai đoạn vị thành niên, vì trong giai đoạn này, các nhóm vị thành niên tạo điều kiện cho cá nhân chấm dứt sự phụ thuộc vào người lớn và thiết lập một vị thế xã hội bình đẳng mà từ trước tới giờ mỗi cá nhân chưa có được. Các nhóm bạn cũng được hình thành theo nhiều cách khác nhau, nhưng nhìn chung, thường bạn bè là ngang tuổi với nhau. Trong những nhóm bạn này sẽ hình thành nên những quy tắc, những chuẩn mực của nhóm mà đòi hỏi các cá nhân trong nhóm tiếp nhận và thực hiện những quy tắc chung này, đồng thời qua đó các cá nhân học hỏi nhiều từ những người bạn của mình

### ***Truyền thông đại chúng***

Truyền thông đại chúng ngày càng phát triển đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống xã hội. Sự phát triển của truyền thông đã đưa nó trở thành nguồn cung cấp "kinh nghiệm" và chủ yếu cho cộng đồng nói chung và mỗi cá nhân nói riêng.

Khi nói đến truyền thông đại chúng, chúng ta thường nghĩ tới một dạng thiết chế dùng để phục vụ sự trao đổi thông tin, giao lưu tư tưởng, giải trí... Trên thực tế, những gì mà truyền thông đại chúng mang lại cho chúng ta nhiều hơn chúng ta tưởng. "truyền thông cung cấp cho chúng ta kinh nghiệm gián tiếp về các sự kiện và quá trình xảy ra vượt quá kinh nghiệm xã hội của chúng ta. Chúng ta ngày càng "biết" nhiều hơn, và được khuyến khích để làm như vậy thông qua các kinh nghiệm trung gian ở tivi, phim ảnh, radio, báo chí, sách". (Bilton, tr.382) Bên cạnh đó một cách có chủ định, truyền thông đại chúng trở thành một cái chung, một cái để mọi so sánh có thể dựa vào, qua đó tạo nên sự hiểu biết chung cho mọi người, làm cho mối quan hệ giữa con người - con người và con người - sự vật trở nên gần gũi với nhau hơn. Thực tế này chỉ cho chúng ta thấy rằng



truyền thông đại chúng "không đơn giản cung cấp thông tin phản ánh thế giới xã hội con người, mà đúng ra chúng cấu trúc thế giới đó cho chúng ta, không chỉ bằng cách gia tăng tri thức của chúng ta về thế giới mà còn giúp chúng ta "có ý thức về nó" (Bilton, tr.382).

Ứng dụng lý thuyết xã hội hóa vào lý giải hoạt động sử dụng mạng internet của học sinh THPT có thể thấy rằng : Các môi trường xã hội hóa đều có những tác động nhất định đến việc sử dụng mạng internet của học sinh. Trong đó, đặc biệt quan trọng đó là các môi trường xã hội hóa nhóm xã hội (nhóm bạn bè). Khi trong nhóm đều có những hoạt động chung như cùng tham gia facebook , cùng chơi game Fifa online... thì đòi hỏi các cá nhân trong nhóm cũng đều phải tham gia hoặc biết về những điều này để tránh sự lạc lõng trong nhóm. Bên cạnh đó mạng internet- một phương tiện truyền thông mới có nhiều chức năng ưu việt đã tạo ra một môi trường xã hội hóa rộng lớn đối với mỗi cá nhân . Thông qua môi trường xã hội hóa này , các cá nhân tiếp thu thông tin theo những cách riêng của mình tùy vào hoàn cảnh sống, những khả năng cá nhân, những điều kiện kinh tế - xã hội - chính trị mà họ chịu sự chi phối. Việc tiếp thu tri thức, thông tin qua truyền thông đại chúng ngày càng trở nên quan trọng đối với cá nhân trong quá trình xã hội hoá của họ vì sự phát triển của thông tin hướng tới một xã hội thông tin. Trong xã hội thông tin, con người có xu hướng tiếp xúc với nhau theo cách gián tiếp. Khoảng cách về không gian và thời gian được thu hẹp nhưng người ta lại đặt nhiều vấn đề về sự tiếp xúc mặt đối mặt. Rõ ràng là kiểu tiếp xúc này có những tác dụng nhất định trong quá trình xã hội hoá nói riêng và trong các sinh hoạt xã hội khác nói chung, nhưng đây dường như lại là một xu hướng tất yếu của xã hội hiện đại.

### **1.2.2. Lý thuyết Hành động xã hội**

Max Weber được xem là nhà xã hội học có đóng góp lớn nhất lý thuyết hành động xã hội. Theo ông, đối tượng đích thực của xã hội học là hành động xã hội. Ông nói: “Xã hội học... là một khoa học cố gắng hiểu theo kiểu diễn giải hành động xã hội để bằng cách đó đạt tới việc giải thích nhân quả về chuỗi hành động và tác động của nó. Hành động là hành vi con người khi và chỉ trong chừng mực khi cá nhân đang hành động gắn một ý nghĩa chủ quan vào đó” (theo Bùi Thế Cường, 2008).

Hành động xã hội trước hết nó là một hành vi cụ thể của cá nhân hoặc nhóm, nhưng hành vi đó mang một ý nghĩa, một giá trị và hướng đến một đối tượng khác, đó chính là lúc hành vi đó đã mang tính xã hội. Hành động xã hội mang tính duy lý, tức là cá nhân căn cứ vào các giá trị chuẩn mực xã hội để điều chỉnh hay tiếp nhận khi hành động

#### Định nghĩa hành động xã hội

“Một hành động xã hội là một hành động của một cá nhân mà có gắn một ý nghĩa vào hành động ấy, và cá nhân đó tính đến hành vi của người khác, bằng cách như vậy mà định hướng vào chuỗi hành động đó” (theo Bùi Thế Cường, 2008). Mọi hành động không tính đến sự tồn tại và những phản ứng có thể có từ những người khác thì không phải là hành động xã hội.

#### Phân loại hành động xã hội:

Hành động hợp lý về mục đích. Loại hành động này căn cứ vào những mong đợi của đối tượng bên ngoài và coi đó là phương tiện để đạt được mục đích. Hay đó chính là việc người hành động phải suy nghĩ và quyết định xem chọn mục đích nào, phương tiện nào để đạt được mục đích.

Hành động hợp lý về giá trị. Là hành động mà chủ thể luôn hướng đến những giá trị xã hội.

Hành động hợp lý theo truyền thống. Đó là những hành động tuân thủ theo những thói quen, nghi lễ, phong tục,... của truyền thống. Ví dụ như tổ chức đám giỗ linh đình, mê tín dị đoan

Hành động hợp lý theo cảm xúc. Là hành động tự phát, không có sự cân nhắc, không theo quy luật, không có sự phân tích mà hoàn toàn phụ thuộc vào cảm xúc chủ quan...

Weber cho rằng tất cả các loại hành động của con người đều thuộc một trong bốn loại hành động này. Tuy nhiên, sự tồn tại của bốn loại hành động này không phải độc lập với nhau mà chúng đan xen, bổ trợ và đặc biệt trong thực tiễn ranh giới giữa các hành động không phải lúc nào cũng có thể minh định được.

Khả năng áp dụng lý thuyết hành động xã hội trong nghiên cứu này

Trên cơ sở những phân tích trên, khi xem lý thuyết hành động xã hội là một phương pháp luận trong nghiên cứu này chúng ta có thể nhận thấy thực tế việc ứng dụng trong luận giải một số nội dung sau: Một cá nhân khi thực hiện một hành động nào đó đều gắn vào hành động đó một ý nghĩa nhất định, một mục tiêu nhất định. Hành động sử dụng mạng internet của học sinh cũng là một hành động xã hội mà thông qua hành động này, mỗi cá nhân mong muốn sẽ đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của họ như nhu cầu tìm kiếm thông tin, giải trí, giao tiếp, trao đổi thông tin... Và hơn thế nữa, trong xã hội hiện đại, thì việc sử dụng mạng internet còn là cách các cá nhân thể hiện mình là thực thể của xã hội.

### **1.2.3.Lý thuyết sự lựa chọn hợp lý**

Thuyết lựa chọn hợp lý dựa vào tiên đề cho rằng con người luôn hành động một cách có chủ đích, có suy nghĩ để lựa chọn và sử dụng các nguồn lực một cách duy lý nhằm đạt được kết quả tối đa với chi phí tối thiểu. Tức là, trước khi quyết định 1 hành động nào đó con người luôn luôn đặt lên bàn cân để cân đo đong đếm giữa chi phí và lợi nhuận mang lại, nếu chi phí ngang bằng hoặc nhỏ hơn lợi nhuận thì sẽ thực hiện hành động và nếu chi phí lớn hơn hành động thì sẽ không hành động.

Theo George Homans, các cá nhân hành động tuân theo nguyên tắc trao đổi các giá trị vật chất và tinh thần như sự ủng hộ, tán thưởng hay danh dự... Ông đưa ra 4 nguyên tắc tương tác giữa các cá nhân như sau:

- Nếu một hành vi được thưởng, hay có lợi thì hành vi đó có xu hướng lặp lại.
- Hành vi được thưởng, được lợi trong hoàn cảnh nào thì cá nhân sẽ có xu hướng lặp lại hành vi đó trong hoàn cảnh tương tự.
- Nếu như phần thưởng, mối lợi đủ lớn thì cá nhân sẽ sẵn sàng bỏ ra nhiều chi phí vật chất và tinh thần để đạt được nó.
- Khi nhu cầu của các cá nhân gần như hoàn toàn được thoả mãn thì họ ít cố gắng hơn trong việc nỗ lực tìm kiếm chúng.

Vận dụng lý thuyết sự lựa chọn hợp lý trong việc lý giải hoạt động sử dụng mạng Internet của học sinh THPT trường Mỹ Đức B ta thấy: Nếu hành vi sử dụng mạng internet đem lại cho học sinh nhiều “phần thưởng”, mối lợi như giải trí, tìm kiếm thông

tin, tri thức, giao lưu, kết bạn... thì học sinh sẽ có xu hướng tích cực sử dụng mạng internet vào những mục đích cụ thể mà bản thân họ cảm thấy đó là những mối lợi do mạng internet mang lại.

Khi các cá nhân học sinh nhận thức được những lợi ích mà việc sử dụng mạng internet mang lại cho bản thân họ, họ sẵn sàng bỏ ra những “chi phí” như thời gian, tiền bạc... để sử dụng mạng internet. Ngược lại, khi bản thân họ nhận thấy những tác động tiêu cực mà việc sử dụng mạng internet mang lại như khiến họ mệt mỏi, đau đầu, không có thời gian cho các hoạt động khác, tốn kém tiền bạc... thì họ sẽ hạn chế việc sử dụng thời gian vào sử dụng mạng internet.

### **1.3 Khái lược chung vai trò của Internet trong đời sống xã hội**

Thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng phát triển, trong đó phát triển mạnh mẽ nhất phải kể đến Internet. Với những ưu thế vượt trội, Internet từ khi ra đời đến nay luôn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, nó tác động đến mọi mặt, mọi lĩnh vực trong đời sống. Bất kì một lĩnh vực nào cũng đều sử dụng đến Internet. Nhờ có Internet mà xã hội phát triển nhanh hơn, mạnh hơn. Xã hội càng phát triển thì vai trò của Internet càng được thể hiện rõ hơn. Trong xã hội thông tin như hiện nay, con người không thể làm việc nếu như không thể làm việc thiếu Internet và cũng không thể sống nếu không có nó.

Internet là công cụ tiện lợi nhất để truyền tải một số lượng thông tin lớn với tốc độ nhanh đến hàng triệu người trên toàn thế giới. Chỉ cần một cái máy tính được kết nối Internet, mọi người đều giống như có trong tay mình một quyển bách khoa toàn thư, có thể tìm kiếm những thông tin mà mình cần. Lượng thông tin mà Internet cung cấp là không giới hạn. Thông qua Internet, thông tin được cập nhật hàng giờ, hàng ngày, mọi người đều có thể biết được những gì đang xảy ra xung quanh mình và cả trên thế giới. Với mạng phủ sóng rộng trên toàn cầu, Internet không là của riêng ai. Mọi người đều có thể sử dụng Internet để truy cập thông tin. Tốc độ truy cập thông tin trên Internet thì cực kì nhanh, với sự hỗ trợ của những công cụ tìm kiếm như Google, mọi người có thể tìm kiếm thông tin chỉ trong vài giây. Chỉ cần gõ từ khóa về vấn đề cần tìm thì hàng loạt thông tin liên quan đến vấn đề đó sẽ hiện ra cho bạn lựa chọn.

Internet giúp mọi người có thể mở rộng quan hệ với bạn bè trên khắp thế giới một cách nhanh chóng qua các dịch vụ như chat, email, các mạng xã hội... Mọi người có thể cùng nhau trò chuyện, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trên các diễn đàn, chia sẻ thông tin, cảm xúc... trên blog. Con người dù có cách nhau nửa vòng Trái đất cũng có thể nói chuyện với nhau, nhìn thấy nhau như đang nói chuyện trực tiếp vậy, khiến khoảng cách như được thu hẹp lại, con người trở nên thấy gần gũi, thân thiện hơn và có thể kết bạn bè với nhiều người hơn, đặc biệt là với người nước ngoài.

Nhờ Internet, mọi người không chỉ nghe, biết được thông tin mà còn có thể bày tỏ ý kiến của mình về bất cứ vấn đề nào đó thông qua mục gửi ý kiến phản hồi ở các bài viết. Internet giúp cho mọi người thỏa sức sáng tạo và nêu ra ý kiến của mình, bảo vệ ý kiến của mình.

Internet cũng giúp cho mọi người học tập tốt hơn. Nhờ Internet, mọi người có thể học tập thông qua hình thức học trực tuyến, đặc biệt là học ngoại ngữ hay tìm kiếm và tải các tài liệu học tập từ trên mạng.

Internet cũng là một phương tiện giải trí hữu ích của con người. đặc biệt là trong cuộc sống xã hội hiện nay. Các hình thức giải trí trên Internet như các trò chơi trực tuyến, tán gẫu với bạn bè qua các diễn đàn, mạng xã hội giúp cho con người cảm thấy thoải mái hơn sau khi làm việc, học tập vất vả.

Bên cạnh những gì mà Internet mang lại giúp ích cho con người và sự phát triển của xã hội thì nó cũng mang lại rất nhiều mặt tiêu cực gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Internet như con dao 2 lưỡi, nếu như không biết sử dụng đúng thì nó cũng gây ra rất nhiều hậu quả khó lường.

Vì bất kì ai cũng có thể đưa thông tin lên Internet nên thông tin là khó kiểm soát được, chính vì thế bên cạnh những thông tin bổ ích thì cũng không thiếu những thông tin rác, vi phạm thuần phong mỹ tục, chống phá Đảng, nhà nước, đe dọa, khủng bố... Vậy nên, mọi người rất dễ bị tiếp nhận phải những thông tin xấu đó.

Nhiều người, đặc biệt là giới trẻ nghiện các chương trình, trò chơi trực tuyến mà bỏ bê công việc, học tập, gây ra nhiều ảnh hưởng xấu cuộc sống. Hơn thế nữa, nhiều khi họ còn bị ảo tưởng bởi các trò chơi có nội dung bạo lực và không lành mạnh, cho rằng

cuộc sống ngoài đời thực là những gì đang diễn ra trong trò chơi và gây ra những hậu quả đáng tiếc. Một số người trở nên nghiện Internet và tìm đến Internet bất cứ lúc nào rảnh rỗi, quên ăn, quên ngủ với phim ảnh, chat, game...Hiện tượng này đang ngày càng phổ biến đối với giới trẻ và trở thành một tệ nạn trong xã hội. Nguy hiểm hơn nữa là hiện tượng các trang web đen, clip, hình ảnh sex ngày càng xuất hiện nhiều trên mạng có số lượng người truy cập ngày càng nhiều và tốc độ lan truyền rất nhanh.

Việc sử dụng công cụ tìm kiếm trên internet cũng khiến nhiều bạn trẻ trở nên lười suy nghĩ, tư duy. Rất nhiều học sinh, sinh viên khi có bài tập ở nhà thì không chịu suy nghĩ, đọc sách tìm hiểu mà chỉ vào google tìm và sao chép nguyên văn những thứ có ở trên mạng, nhiều khi chỉ sao chép mà không chịu đọc. Chính vì thế mà làm cho các bạn thụ trở nên thụ động trong học tập cũng như trong công việc.

#### **1.4. Sơ lược về địa bàn nghiên cứu**

Trường THPT Mỹ Đức B là một trường thuộc khu vực 2- nông thôn, thuộc xã An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội, được thành lập năm 1972. Quá trình 44 năm xây dựng và phát triển của nhà trường gắn liền với sự phát triển của đất nước, nền giáo dục - đào tạo Việt Nam. Vượt lên những khó khăn, các thế hệ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh đã tô thắm truyền thống vẻ vang của nhà trường. Trường THPT Mỹ Đức B đã và đang phấn đấu làm tròn chức năng “Dạy tốt - Học tốt”, với đội ngũ giáo viên có chất lượng chuyên môn vững vàng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của hệ thống giáo dục của thành phố Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung. Nhiều năm liền trường được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến, tiên tiến xuất sắc. Đặc biệt rất vinh dự và tự hào đối với cán bộ giáo viên nhà trường là được đón nhận bằng khen của chính phủ năm 2002. Hiện nay trường có hơn 100 cán bộ, giáo viên đang công tác tại 9 tổ chuyên môn là: Toán, Vật lí - Hóa học, Sinh – Công nghệ, Ngữ văn, Lịch sử - Địa lí, Ngoại ngữ, Giáo dục – Tin học, Thể dục-GDQP, Văn phòng. Một yếu tố quan trọng để bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo là cơ sở vật chất kĩ thuật của nhà trường tương đối đầy đủ và chất lượng. Cơ sở vật chất kĩ thuật của trường ngày càng được tăng cường. Nhà trường đã có đủ lớp học, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng thể chất và phương tiện kĩ thuật phục vụ cho việc dạy và học. Đặc biệt, nhà trường đã có 2 phòng học tin học,

với tổng số 60 máy tính bàn phục vụ cho việc học tin học của học sinh, tuy nhiên, hệ thống máy tính không được kết nối wifi để đảm bảo các em không lạm dụng việc sử dụng mạng máy tính trong những giờ tin học. Trường đã có 4 dãy nhà cao tầng đảm bảo đủ điều kiện cho 42 lớp học. Trong năm học 2016-2017, toàn trường có 12 lớp khối 12, 14 lớp khối 11 và 14 lớp khối 10 với học sinh trung bình mỗi lớp là 45 em. Nhà trường và học sinh trường THPT Mỹ Đức B luôn cố gắng dạy và học thật tốt để xứng đáng với sự đầu tư của Đảng, Nhà nước, và mong mỏi của nhân dân huyện Mỹ Đức.

### **Tiểu kết chương 1:**

Qua phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài, có thể thấy, về mặt lý luận, việc thao tác hóa các khái niệm: Internet, sử dụng mạng internet và học sinh THPT đã giúp tác giả hiểu rõ hơn về mặt khái niệm đồng thời có thể làm rõ các khái niệm thông qua những chỉ báo cụ thể. Việc phân tích và ứng dụng các lý thuyết xã hội học trong đề tài này bao gồm: lý thuyết xã hội hóa, thuyết hành động xã hội, thuyết lựa chọn hợp lý, đã phân nào lý giải những vấn đề của đề tài.

Về mặt thực tiễn, việc khái quát hóa vai trò của mạng internet trong đời sống xã hội đã giúp tác giả phân nào hiểu được những ảnh hưởng của mạng internet trong đời sống hiện đại, và có được cái nhìn bao quát nhất về vai trò của mạng internet. Đồng thời, qua tìm hiểu về địa bàn nghiên cứu trường THPT Mỹ Đức B cũng giúp tác giả phân nào hiểu được đặc điểm về mặt vị trí, đội ngũ giáo viên, học sinh của nhà trường cũng như cơ sở vật chất của nhà trường, điều này có ý nghĩa rất lớn cho việc điều tra khảo sát đối với đề tài.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG MẠNG INTERNET CỦA HỌC SINH THPT NÔNG THÔN**

Ngày 1/12/1997 Internet chính thức được cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Sau gần 20 năm phát triển, Internet đã chuyển mạnh từ hình thức quay số sang băng rộng và liên tục đạt tốc độ tăng trưởng ở mức bùng nổ. Ngày nay, Internet đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống kinh tế - văn hóa – xã hội của hầu hết mọi tầng lớp nhân dân.

Trong những năm qua, hạ tầng kết nối Internet ở khu vực nông thôn đã có nhiều tiến bộ nhưng khả năng sử dụng Internet ở nông thôn vẫn còn khoảng cách rất xa so với khu vực thành thị. Đặc biệt đối tượng tiếp cận với mạng internet vẫn còn rất hạn chế, phần lớn mới chỉ dừng lại ở đối tượng thanh thiếu niên. Qua khảo sát đối tượng học sinh trường THPT Mỹ Đức B, Hà Nội, 100% số học sinh được hỏi có sử dụng mạng internet, việc sử dụng mạng internet của thanh thiếu niên ở khu vực nông thôn đang diễn ra như thế nào sẽ được trình bày trong những nội dung nghiên cứu dưới đây.

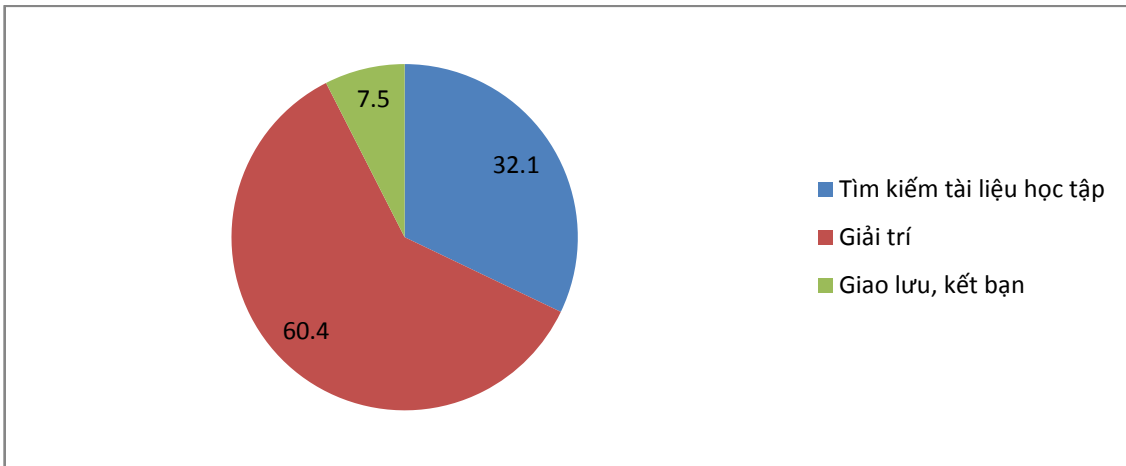
### **2.1 . Mục đích và nội dung truy cập internet của học sinh THPT nông thôn**

Mục đích sử dụng là nhân tố quan trọng chi phối việc sử dụng Internet của học sinh. Mục đích càng đa dạng thì nội dung truy cập càng phong phú. Mục đích sử dụng chi phối sự lựa chọn các hoạt động trên mạng của học sinh. Với việc truy cập Internet của học sinh có thể chia thành các nhóm mục đích cơ bản như sau: tìm kiếm thông tin, giao lưu kết bạn và giải trí.

Trước hết, tác giả đi vào khảo sát mục đích chính của học sinh khi truy cập mạng internet. Khi được hỏi về việc đánh giá thời gian ưu tiên nhất cho các mục đích sử dụng mạng internet của học sinh, kết quả khảo sát thu được như sau:



**Biểu đồ 2.1: Mục đích sử dụng mạng internet của học sinh (Đơn vị %)**



(Nguồn

số liệu khảo sát)

Qua biểu đồ trên có thể thấy, đa số các em học sinh ưu tiên sử dụng mạng internet vào mục đích giải trí, với 145 trường hợp học sinh lựa chọn chiếm 60,4%. Trong khi đó, việc sử dụng mạng internet nhằm tìm kiếm tài liệu học tập được nhiều em học sinh xem đó chỉ là thứ yếu, chỉ 77 trường hợp cho đó là mục đích ưu tiên hàng đầu chiếm 32,1%, và ưu tiên việc giao lưu, kết bạn khi sử dụng mạng internet chiếm tỉ lệ thấp nhất với 18 trường hợp lựa chọn chiếm 7,5%.

Với thời gian học tập căng thẳng như hiện nay thì giải trí là một biện pháp hữu hiệu để giải tỏa áp lực của học sinh. Với các hình thức, hoạt động giải trí mới trên mạng, phù hợp với tâm lý ưa thích cái mới thì mạng Internet đã được học sinh khai thác triệt để nhằm thỏa mãn mục đích giải trí của mình.

Việc ưu tiên hoạt động nào trong số ba hoạt động được xem là phổ biến nhất khi sử dụng mạng internet cũng có sự khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ

**Bảng 2.1: Sự khác biệt giữa học sinh nam và nữ trong việc đánh giá hoạt động ưu tiên nhiều nhất khi sử dụng mạng internet.**

Stt	Hoạt động ưu tiên	học sinh Nam		học sinh Nữ	
		Tần số	Tần suất	Tần số	Tần suất
1	Tìm kiếm tài liệu học tập	45	35,4	32	28,3
2	Giải trí	78	61,4	67	59,3
3	Giao lưu, kết bạn	4	3,2	14	12,4

4	Tổng số	127	100	113	100
---	---------	-----	-----	-----	-----

(Nguồn số liệu khảo sát)

Nhìn vào bảng số liệu trên có thể thấy rằng hoạt động được học sinh ưu tiên nhiều nhất đó là hoạt động giải trí, tỉ lệ ưu tiên giữa học sinh nam và học sinh nữ có sự khác biệt, tuy nhiên sự khác biệt này không đáng kể, với 61,4% học sinh nam lựa chọn, và 59,3% học sinh nữ lựa chọn. Tiếp đến là hoạt động tìm kiếm tài liệu học tập trên mạng internet, tỉ lệ này ở học sinh nam là 35,4% và ở học sinh nữ là 28,3%. Cuối cùng là hoạt động giao lưu, kết bạn trên mạng xã hội tỉ lệ ưu tiên hoạt động này ở học sinh nữ nhiều hơn 4 lần ở học sinh nam, cụ thể là ở học sinh nữ chiếm 12,4% trong khi ở học sinh nam chỉ chiếm 3,2%. Như vậy, nhu cầu sử dụng mạng internet vào mục đích giao lưu, kết bạn ở học sinh nữ lớn hơn so với học sinh nam.

Giữa học sinh ba khối 10,11 và 12 cũng có sự khác biệt nhất định trong việc lựa chọn mục đích chính khi truy cập mạng internet.

**Bảng 2.2: Sự khác biệt giữa học sinh các khối trong việc lựa chọn các hoạt động ưu tiên hàng đầu khi sử dụng mạng internet**

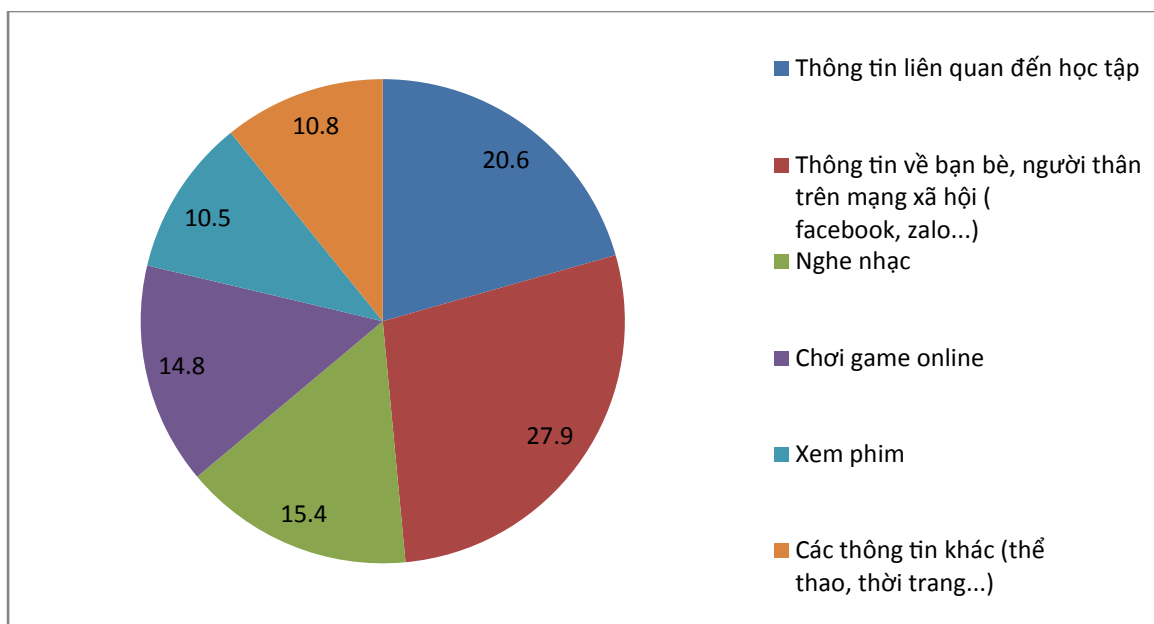
Hoạt động ưu tiên	Khối 10		Khối 11		Khối 12	
	Tần số	Tần suất	Tần số	Tần suất	Tần số	Tần suất
Tìm kiếm tài liệu học tập	25	34.7	20	28.6	32	32.7
Giải trí	42	58.3	46	65.7	57	58.2
Giao lưu, kết bạn	5	6.9	4	5.7	9	9.2
<b>Tổng</b>	72	100	70	100	98	100

(Nguồn số liệu khảo sát)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy, không có nhiều sự khác biệt giữa học sinh các lớp trong việc đánh giá các hoạt động ưu tiên hàng đầu khi sử dụng mạng internet. Đa số học sinh các lớp vẫn ưu tiên và đánh giá cao hoạt động giải trí khi sử dụng mạng internet, tỉ lệ này ở các khối như sau khối 10 có tỉ lệ 58,3%, khối 11 là 65,7% và khối 12 là 58,2%. Tỉ lệ này ở khối 11 cao nhất, cho thấy đây là khối học sinh đã quen với môi trường học tập ở cấp THPT, nên không còn những ngỡ ngàng như học sinh khối 10 mới vào học, hơn nữa lại không phải chịu những áp lực thi cử nặng nề như học sinh khối 12, khối cuối cấp đang phải đứng trước áp lực các kì thi lớn đó là kì thi quốc gia, do vậy, tỉ lệ các em học sinh khối 11 ưu tiên các hoạt động giải trí lên hàng đầu chiếm tỉ lệ cao nhất so với hai khối còn lại. Hoạt động tiếp theo đó là tìm kiếm tài liệu học tập, tỉ lệ này cao nhất ở học sinh khối 10 là 34,7%, tiếp đến là khối 12 với 32,7% và cuối cùng là khối 11 với 28,6%. Cuối cùng là hoạt động giao lưu, kết bạn chiếm tỉ lệ thấp nhất ở cả 3 khối với 5,7% ở học sinh khối 11; 6,9% khối 10 và 9,2% ở học sinh khối 12. Như vậy, đối với học sinh trung học phổ thông, nhu cầu tìm hiểu những kiến thức bên ngoài chương trình học chưa lớn, đặc biệt khi so sánh với đối tượng sinh viên. Khi tìm đến Internet, mục đích thực sự, chủ yếu nhất của các em vẫn là để giải trí.

Từ những mục đích truy cập như trên, vậy, cụ thể những thông tin, những nội dung nào được các em học sinh tìm kiếm nhiều nhất khi truy cập mạng internet, qua khảo sát kết quả thu được kết quả như sau:

***Biểu đồ 2.2: Nội dung thông tin học sinh thường tìm kiếm nhiều nhất khi truy cập mạng internet (đơn vị %).***



(Nguồn số liệu khảo sát)

Từ kết quả trên cho thấy, có rất nhiều nội dung các em tìm kiếm khi truy cập mạng internet, đó không chỉ là tìm kiếm thông tin liên quan đến học tập, mà còn tìm kiếm thông tin về bạn bè, người thân trên trang mạng xã hội, các hoạt động giải trí như xem phim, nghe nhạc và đặc biệt là chơi game online.

Hoạt động thường xuyên ưa thích hàng đầu của học sinh là tìm kiếm thông tin liên quan đến bạn bè, người thân trên trang mạng xã hội, cụ thể là facebook với 192 trường hợp lựa chọn, chiếm 27,9%. Tiếp đến là các thông tin liên quan đến học tập với 142 trường hợp lựa chọn, chiếm 20,6%. Chơi game online cũng là một trong những hoạt động được yêu thích của các em học sinh với 102 trường hợp lựa chọn chiếm 14,8%. Tiếp đến là các hoạt động giải trí khác như nghe nhạc 15,4%, xem phim 10,5% và tìm kiếm các thông tin khác như thể thao, đời sống người nổi tiếng, thời trang... chiếm 10,8%.

Mục đích truy cập internet sẽ quyết định nội dung truy cập, nhưng cũng có thể cùng một mục đích truy cập nhưng sẽ có nhiều nội dung truy cập khác nhau. Ví dụ, cùng một mục đích giải trí nhưng nội dung các em truy cập có thể là nghe nhạc, xem phim, xem clip hài, chơi gameonline... hay với mục đích học tập các em có thể search tài liệu

trên mạng, học trực tuyến... Qua phỏng vấn sâu, có thể thấy, nội dung truy cập internet của học sinh rất phong phú.

Khi được hỏi về những hoạt động thường làm khi sử dụng mạng, học sinh cho biết “*bây giờ vào mạng có thể nghe nhạc, xem phim, luyện nghe tiếng anh, lên facebook... nói chung là nhiều việc làm được trên mạng lắm chị*” (Nữ, lớp 12).

hay, “*Đa số thì để chơi game, nghe nhạc, thỉnh thoảng thì cũng để học nhưng ít thôi*”. (Nam, học sinh 10).

Khi được hỏi về những hoạt động các em thường làm khi sử dụng trang mạng xã hội facebook thì các em cho biết: “*Thường thì lên face em hay chat với bạn, vào tường một bạn nào đó xem ảnh, comment, hoặc đơn giản đăng status về tâm trạng, hay hôm nay có cái gì hay hay thì viết lên tường hoặc có bạn nào đăng status xong vào comment qua lại*” (Nữ, lớp 12). Như vậy, có thể thấy Facebook đã được các em sử dụng như một kênh giao tiếp, một kênh để các em nói lên những suy nghĩ của mình, được thể hiện bản thân thông qua việc viết status lên tường, một kênh để các em nắm được thông tin của bạn bè, người thân. Giao tiếp là mục đích chính khi học sinh sử dụng mạng internet thông qua facebook điều này dễ lý giải từ góc độ tâm lý lứa tuổi dẫn đến sở thích thích giao tiếp của các em.

Việc tìm kiếm thông tin nào khi truy cập mạng internet cũng có sự khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ.

**Bảng 2.3: Lựa chọn nội dung truy cập trên mạng internet giữa học sinh nam và học sinh nữ (đơn vị %).**

Stt	Nội dung thông tin	Nam		Nữ	
		Có lựa chọn	Không lựa chọn	Có lựa chọn	Không lựa chọn
1	Thông tin Liên quan đến học tập	48,0	52,0	71,7	28,3

2	Thông tin về bạn bè, người thân trên các trang mạng xã hội (Facebook, zalo...)	77,2	22,8	83,2	16,8
---	--	------	------	------	------

## Tài Liệu Tham Khảo

### Tài liệu tiếng việt

1. Đào Lê Hòa An(2013), *Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người- một thách thức mới cho tâm lý học*” Tạp chí Khoa học, trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, số 49, tr. 5-15 .
2. Nguyễn Thị Phương Châm (2013), *Internet: Mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng. 2008. *Xã hội học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Đoàn Thùy Dương (2014) *Sinh viên và mạng xã hội Facebook: Một phân tích về sự tiến triển vốn xã hội* (Khảo sát tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trường Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông), luận văn thạc sỹ chuyên ngành xã hội học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Hậu (2013), *Mạng xã hội với giới trẻ thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Văn hóa- Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, tp Hồ Chí Minh.
6. Bùi thị Huệ , *Bước đầu nghiên cứu về thực trạng nghiện Internet của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn quận Hải Quân và Liên Chiểu - thành phố Đà Nẵng* Luận văn thạc sỹ trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.
7. Lê Ngọc Hùng (2008). *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*. NXB Khoa học xã hội học, Hà Nội.
8. Đặng Thị Nga (2013) *Nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Thái Bình*”, luận văn thạc sỹ Tâm lý học, trường Đại học KHXH &NV Hà Nội.
9. Vũ Hào Quang (1997), *Về lý thuyết hành động xã hội M .Weber*, Tạp chí Xã hội học , số 1, tr. 92-98.

10. Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh. 2001. *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Nguyễn Quý Thanh (2011), *Internet- sinh viên- lối sống một nghiên cứu xã hội học về phương tiện truyền thông kiểu mới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
12. Nguyễn Thị Phương Thảo (2013), *Tác động của Game online đối với việc học tập và nâng cao kiến thức của học sinh đô thị hiện nay* (Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Ninh Bình) luận văn thạc sỹ xã hội học, Trường Đại học KHXH &NV Hà Nội.
13. Huỳnh Văn Thông , “*Một số vấn đề về lối sống Internet và ảnh hưởng của nó đến hoạt động giao tiếp của người dùng internet Việt Nam*”

### **Tài liệu tiếng anh**

14. John A. Barnes (1954), *Class and Committees in a Norwegian Island Parish*, Human Relation, Vol 7, No.1, pg 39 – 58.
15. Wellman Barry và các cộng sự (1996), “*Computer Networks As Social Networks: Collaborative work, Telework and Virtual community*” , Annual Reviews of Sociology, Vol 22, pg. 213 – 238.
16. Petter Bae Brandtzaeg (2012), “*Social Networking Sites: Their Users and Social Implications – A Longitudinal Study*” , Journal of Computer – Mediated Communication , Vol. 17, Issue 4, pg. 467 – 488, Junly 2012.
17. Petter Bae Brandtzaeg và Ida Maria Haugstveit (2014), *Facebook Likes: A Study of Liking Practices for Humanitarian Causes* (Na Uy) Journal of Int.J. of Web Based Communities, Vol.10, No 3, Pg. 258 – 279.
18. Evgeny Morozov (2012), *The Net Delusion: The Dark Side of Internet Freedom*, Publisher PublicAffairs, Reprint edition (February 28, 2012).

### **Tài liệu trên Website**

19. Bùi Thế Cường, *Các lý thuyết về hành động xã hội*, <http://www.socialwork.vn/>
20. Tráng Thị Lan Hương, (2013), *Tác động ảnh hưởng của internet đối với học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Hà Giang*,  
<http://hagiang.gov.vn/pages/propagandanews.aspx?ItemID=106>, 13/08/2013.

21. Phạm Loan, *Vai trò của Internet trong đời sống xã hội*,  
<https://phamloanpt30.wordpress.com/2012/08/20/vai-tro-cua-internet-trong-doi-song-xa-hoi/> (20/8/2012)
22. Bùi Hoài Sơn, *Xã hội hóa*,  
<https://sites.google.com/site/buiquangthangvicas/sach/xxx/oa>
23. Trần Phương Thùy (2010) *Nghiên cứu hành vi sử dụng mạng internet của thanh thiếu niên Hà Nội*, luận văn:<http://doc.edu.vn/tai-lieu/de-an-nghien-cuu-hanh-vi-su-dung-mang-internet-cua-thanh-thieu-nien-ha-noi-20933/>
24. Đề tài Thực trạng nghiện game online trong giới trẻ hiện nay<http://doan.edu.vn/do-an/de-tai-thuc-trang-nghien-game-online-trong-gioi-tre-hien-nay-39022/>
25. Tác động của việc sử dụng Internet tới hoạt động học tập học sinh phổ thông ở thành phố (Khảo sát trên địa bàn phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội),  
<http://doc.edu.vn/tai-lieu/de-tai-tac-dong-cua-viec-su-dung-internet-toi-hoat-dong-hoc-tap-hoc-sinh-pho-thong-o-thanh-pho-khao-sat-tren-dia-ban-57647/>
26. *Thực trạng sử dụng Internet của thanh thiếu niên Việt Nam*[http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/thuc-trang-sudung\\_inetvn.html](http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/thuc-trang-sudung_inetvn.html), 16/03/2014.
27. Trần Phương Thùy , *Đánh giá tình hình sử dụng Internet của thanh niên Việt Nam*<http://luanvan.net.vn/luan-van/nghien-cuu-hanh-vi-su-dung-mang-internet-cua-thanh-thieu-nien-ha-noi-5568/>, 11/3/2008.
28. Thanh Nguyên, *Báo động về tình trạng nghiện Internet ở giới trẻ*, <http://songkhoe.vn>,  
<http://songkhoe.vn/bao-dong-ve-tinh-trang-nghien-internet-o-gioi-tre-s2964-0-142275.html>, 05/04/2016.
29. Xã hội học Việt Nam, *Lý thuyết sự lựa chọn hợp lý*, <http://www.xahoihoc.org/cac-khai-niem-ly-thuyet-xa-hoi-hoc/lt/ly-thuyet-lua-chon-hop-ly>
30. Internet đã vào Việt Nam như thế nào? <http://dantri.com.vn/may-tinh-di-dong/internet-da-vao-viet-nam-nhu-the-nao-1418677222.htm> (8/12/2014)
31. Internet là gì, [www.bioinfohelpdesk.org](http://www.bioinfohelpdesk.org)
32. Tra từ điển tiếng Việt, [https://vi.wiktionary.org/wiki/từ\\_điển](https://vi.wiktionary.org/wiki/từ_điển)
33. <http://www.annualreviews.org/doi/full/10.1146/annurev.soc.22.1.213>



34. Sơ lược về trường Trung học Phổ thông Mỹ Đức B, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, <http://thpt-myducb.edu.vn/>